TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 444/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2023.
V/v tranh chấp: "*Ly hôn, nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Đức Hiền.
2. Bà: Nguyễn Thị Nhàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 393/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023, về việc tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 149/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 112/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đặng Cẩm T, sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.
- *Bị đơn:* Nguyễn Văn R, sinh năm 1982.
Địa chỉ: ấp P, xã Y, huyện G, tỉnh T.

(Chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh R vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Đặng Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; theo đơn ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai; chị T trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2005, chị T sống chung với anh R có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh T. Do bất đồng quan điểm sống, chị T đã ly thân anh R từ tháng 4/2023 cho đến nay. Tình cảm không còn, chị T yêu cầu ly hôn anh R.

Về con chung: Chị T với anh R có 02 con chung tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2006 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 26/7/2009, đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không yêu cầu gì khác.

**** Tại phiên tòa, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn R vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.***

*** Ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Văn R.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2006 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 26/7/2009 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Chị Tú có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Rảnh đã được tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2005, chị T sống chung với anh R, có đăng ký kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống; chị T đã ly thân anh R từ tháng 4/2024. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh R vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến; chứng tỏ anh R không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân giữa anh với chị T. Chị T yêu cầu ly hôn anh R là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận.

- Về con chung: Chị T với anh R có 02 con chung tên là Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2006 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 26/7/2009, đang sống chung với chị T; đồng thời, cháu T và cháu N có nguyện vọng sống chung với chị T sau khi chị T ly hôn anh R. Do đó, chị T yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; nên chấp nhận. Anh R được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Cẩm T.

1. Về hôn nhân: Cho chị Đặng Cẩm T ly hôn anh Nguyễn Văn R.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 18/4/2006 và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày 26/7/2009 cho chị Đặng Cẩm T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn R được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0012600 ngày 19/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, nên chị T đã nộp xong án phí.

+ Anh R không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh R được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã Yên L; huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu